

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2025/KDTM-PT

Ngày 14-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;

Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Khang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 25/2025/TLPT-KDTM ngày 23/6/2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại số 05/2025/KDTM-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 68/2025/QĐXXPT-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12724/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần G; địa chỉ trụ sở: Lô J và C, đường N, D1, N Khu công nghiệp N, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Lô J và 34, đường N, D1, N Khu công nghiệp N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng Như P, sinh năm 2000; địa chỉ: số C V, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số C V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 007/2025/UQ-BGD ngày 26/02/2025), có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ trụ sở: số A Lô A đường D, khu dân cư ấp D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là số A Lô A

đường D, khu dân cư ấp D, phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1990; chức vụ: Giám đốc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần G là Bà Nguyễn Hoàng Như P trình bày:

Ngày 09/9/2021, Công ty Cổ phần G (gọi tắt Công ty G) và Công ty TNHH H (gọi tắt Công ty H) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 005/HĐBH/2021/HOANGKHANGNAM (gọi tắt Hợp đồng); trong đó, Công ty G là bên bán (Bên A) và Công ty H (Bên B) là bên mua, đối tượng hợp đồng là giấy tấm carton các loại (Điều 1 Hợp đồng).

Sau đó, Công ty G và Công ty H đã phát sinh các giao dịch mua bán đối tượng trên thông qua các đơn đặt hàng. Công ty G đã giao hàng đầy đủ cho Công ty H, hai bên cùng ký tên vào các Phiếu xuất kho, Công ty G phát hành Hoá đơn giá trị gia tăng cho từng lần giao hàng. Căn cứ Điều 2 Hợp đồng, Công ty H thanh toán tiền mua hàng cho Công ty G bằng chuyển khoản, số tiền được căn cứ theo Hoá đơn giá trị gia tăng do Công ty G phát hành, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hàng và hoá đơn giá trị gia tăng. Cũng tại Điều 2 Hợp đồng, ghi nhận “Trong trường hợp Bên B để nợ quá hạn thanh toán kể từ ngày đến hạn, thì bên B sẽ phải trả lãi quá hạn cho phần tiền thanh toán trễ hạn [...]”.

Tuy nhiên, từ tháng 3/2022 Công ty H không thực hiện thanh toán theo Hợp đồng dẫn đến công nợ lên đến 1.052.110.378 đồng. Công ty G đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở, đôn đốc thanh toán và phát hành Công văn đề nghị thanh toán công nợ quá hạn, Công ty H đã thanh toán các đợt như sau: Ngày 25/4/2022: Thanh toán số tiền 34.897.984 đồng; ngày 10/5/2022: Thanh toán số tiền 47.314.036 đồng; ngày 24/5/2022: Thanh toán số tiền 98.843.825 đồng; ngày 21/9/2022: Thanh toán số tiền 13.497.660 đồng; ngày 30/9/2022: Thanh toán số tiền 15.254.954 đồng; ngày 23/3/2023: Thanh toán số tiền 15.053.351 đồng. Từ tháng 03/2022 đến tháng 03/2023, Công ty H chỉ trả được số tiền 224.861.810 đồng và còn nợ Công ty G số tiền 827.248.568 đồng. Và Công ty H cũng đã xác nhận đồng ý với Công ty G về số tiền nợ gốc còn lại 827.248.568 đồng này tại Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023 (có chữ ký của bà Lâm Lệ D và đóng dấu Công ty H).

Mặc dù, Công ty G đã nhiều lần hỗ trợ gia hạn thanh toán nhưng Công ty G vẫn không nhận được phản hồi bằng văn bản về lịch trả nợ cụ thể nên Công ty G đã gửi thông báo bằng văn bản số 30/2023/G.P-KTTC ngày 18/10/2023 về việc tiếp tục thông báo nhắc thanh toán công nợ quá hạn với số tiền là 827.248.568 đồng và tiền lãi phạt phát sinh do vi phạm hợp đồng số tiền là 135.657.553 đồng cho 647 ngày trễ hạn thanh toán, với thời hạn thanh toán là trước ngày 30/10/2023.

Tuy nhiên, tính đến ngày 30/11/2023 thì Công ty H còn nợ Công ty G số tiền nợ gốc là 827.248.568 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 0,027%/ngày kể từ ngày 10/12/2021 đến ngày 30/11/2023 (tức ngày nộp hồ sơ khởi kiện) là 690 ngày với số tiền lãi được tạm tính là 145.261.909 đồng, theo bảng kê chi tiết như sau:

STT	Số tiền nợ gốc chậm trả			Số tiền lãi chậm trả (lãi suất 0,027%/ngày)		Tổng cộng nợ quá hạn (đồng)
	Số hoá đơn	Ngày hoá đơn	Nợ gốc (đồng)	Số ngày chậm trả	Lãi (đồng)	
1	0000712	10/12/2021	36.781.954	690	6.852.478	43.634.432
2	0000755	15/12/2021	84.108.134	685	15.555.799	99.663.933
3	0000773	17/12/2021	21.090.168	683	3.889.238	24.979.406
4	0000811	21/12/2021	40.537.596	679	7.431.757	47.969.353
5	0000824	22/12/2021	40.103.283	678	7.341.307	47.444.590
6	0000878	28/12/2021	89.933.976	672	16.317.621	106.251.597
7	0000931	03/01/2022	43.829.764	666	7.881.468	51.711.232
8	0001060	07/01/2022	50.604.147	662	9.044.985	59.649.132
9	0001128	10/01/2022	37.545.464	659	6.680.464	44.225.928
10	0001169	12/01/2022	48.925.965	657	8.678.977	57.604.942
11	0001172	12/01/2022	53.705.344	657	9.526.791	63.232.135
12	0001514	26/01/2022	14.020.820	643	2.434.155	16.454.975
13	0001678	11/02/2022	50.527.703	627	8.553.835	59.081.538
14	0001790	17/02/2022	35.025.588	621	5.872.740	40.898.328
15	0001853	19/02/2022	15.962.184	619	2.667.760	18.629.944
16	0001943	25/02/2022	46.208.502	613	7.647.969	53.856.471

17	0002227	10/03/2022	19.448.597	600	3.150.673	22.599.270
18	0002290	14/03/2022	27.958.694	596	4.499.113	32.457.807
19	0002355	17/03/2022	25.526.275	593	4.087.012	29.613.287
20	0002455	23/03/2022	15.541.222	587	2.463.128	18.004.350
21	0002555	29/03/2022	29.863.188	581	4.684.638	34.547.826
TỔNG CỘNG			827.248.568		145.261.909	972.510.477

Sau khi nộp đơn khởi kiện, Công ty G nhận được phản hồi và các đợt thanh toán tiếp theo từ Công ty H như sau:

Ngày 26/03/2024: Công ty H có gửi mail xác nhận lịch thanh toán cụ thể ít nhất 20.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 4/2024.

Ngày 27/4/2024, Công ty H đã trả 1 phần công nợ với số tiền 21.090.168 đồng. Ngày 30/5/2024, Công ty H đã trả thêm một phần công nợ với số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 01/07/2024, Công ty H đã trả thêm 20.537.596 đồng. Ngày 01/08/2024, Công ty H đã trả thêm 20.000.000 đồng. Như vậy, từ ngày 27/4/2024 đến ngày 31/08/2024, Công ty H đã trả thêm cho Công ty G số tiền là 81.627.764 đồng.

Tính đến ngày 11/4/2025, Công ty H còn nợ Công ty G số tiền 999.371.549 đồng (trong đó, nợ gốc là 745.620.804 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 0,027%/ngày đến ngày 11/4/2025 với số tiền là 253.750.745 đồng).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty H là ông Nguyễn Đình N (chức vụ: Giám đốc) cho rằng trong 21 hoá đơn mà Công ty H còn nợ có hoá đơn bị trùng và sai giá là không có cơ sở, vì:

- Công ty H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.
- Đây là các hoá đơn hợp lệ, có chữ ký của đại diện bên mua (đối với một số hoá đơn) và các hoá đơn này đã được Công ty H sử dụng để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào và thậm chí có hạch toán vào chi phí khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nay, nguyên đơn Công ty Cổ phần G khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Giấy G.P số tiền là 999.371.549 đồng (trong đó, nợ gốc là 745.620.804 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,027%/ngày (tức 10%/năm) tính từ ngày 10/12/2021 đến ngày 11/4/2025 với số tiền là 253.750.745 đồng).

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Công ty cổ phần G cung cấp bản trình bày ý kiến, bản kê chi tiết công nợ, bản chính các phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng và Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023 để Tòa án đối chiếu và công khai tại phiên tòa. Đồng thời, nguyên đơn

yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải trả cho nguyên đơn công ty Cổ phần G số tiền là 999.371.549 đồng (trong đó: Nợ gốc là 745.620.804 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0.027%/ngày (tức 10%/năm) tính từ ngày 10/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/4/2025 với số tiền là 253.536.252 đồng).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Ngày 09/9/2021, Công ty H có ký Hợp đồng nguyên tắc số 005/HĐBH/2021/HOANGKHANGNAM với Công ty G để mua bán giấy carton các loại. Theo hợp đồng thì công ty G bán cho công ty H các loại giấy carton. Sau khi công ty G giao hàng, xuất kho, xuất hóa đơn và đối chiếu công nợ thì công ty H sẽ trả tiền bằng hình thức chuyển khoản cho công ty G. Bị đơn Công ty H đã thanh toán nhiều lần và còn nợ công ty G khoảng 570.000.000 đồng. Công ty H cho rằng trong 21 hoá đơn giá trị gia tăng mà Công ty G cung cấp thì có hoá đơn bị trùng và sai đơn giá. Do đó, bị đơn công ty H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty G.

Tại phiên tòa: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì nguyên đơn không chứng minh được việc giao hàng cho bị đơn, một số hóa đơn bị trùng và có một số mặt hàng nguyên đơn báo sai đơn giá.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2025/KDTM-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần giấy G.P đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần G tổng số tiền 999.371.549 đồng: Trong đó:

+ Tiền gốc là 745.620.804 đồng.

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/4/2025 là 253.750.745 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 18 tháng 4 năm 2025, bị đơn Công ty H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý giảm một phần lãi suất cho bị đơn là 153.536.252 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 745.620.804 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi chậm trả. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến đồng ý trả tiền nợ gốc và đề nghị nguyên đơn giảm 50% tiền lãi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023 thì Công ty H xác nhận còn nợ Công ty G.P 827.248.568 đồng. Sau đó, Công ty H đã thanh toán thêm số tiền 81.627.764 đồng, còn nợ lại 745.620.804 đồng. Căn cứ Công văn số 800/CCTKV-Ktr1 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thuế khu vực B thì Công ty H đã sử dụng các hóa đơn của Công ty G để kê khai thuế GTGT đầu vào và quyết toán thuế TNDN cho các năm 2021, 2022. Toà án cấp sơ thẩm xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại 745.620.804 đồng là có căn cứ.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 14/8/2025, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đề nghị hướng hòa giải với nguyên đơn là *“đồng ý trả số tiền gốc và giảm 50% lãi suất chậm trả là mà cấp sơ thẩm đã tuyên là 253.536.252 đồng (tương đương 126.768.126 đồng)”*. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn số tiền lãi là 153.536.252 đồng, nhiều hơn số tiền lãi bị đơn đề nghị giảm là có lợi cho bị đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm tiền lãi suất cho bị đơn; Về kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, đơn kháng cáo có nội dung hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của bị đơn.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giữa các bên có ký hợp đồng nguyên tắc số 005/HĐBH/2021/HOANGKHANGNAM ngày 09/9/2021 về mua bán giấy tấm carton.

Căn cứ theo đơn đặt hàng thì nguyên đơn đã giao đủ theo phiếu xuất kho và xuất hóa đơn cho bị đơn đúng thỏa thuận. Căn cứ Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023 giữa Công ty G và Công ty H thì Công ty H còn nợ số tiền 827.248.568 đồng. Ngày 31/8/2024, Công ty H đã trả thêm cho công ty G số tiền 81.627.764 đồng, còn nợ 745.620.804 đồng. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ theo các Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 745.620.804 đồng là có căn cứ.

Xem xét yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Tại đơn xin vắng mặt ngày 14/8/2025, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng ý trả số tiền gốc và đề nghị nguyên đơn là giảm 50% lãi suất chậm trả là mà cấp sơ thẩm đã tuyên là 253.536.252 đồng (tương đương 126.768.126 đồng). Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn số tiền lãi là 153.536.252 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi chậm trả còn lại là 100.000.000 đồng, là có lợi cho bị đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty H.
2. Sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2025/KDTM-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:
 - 2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần giấy G.P đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần G tổng số tiền 845.620.804 (tám trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi ngàn, tám trăm lẻ bốn) đồng, trong đó:

- Tiền gốc là 745.620.804 đồng.
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Khang N1 phải chịu số tiền 37.368.624 đồng (ba mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi bốn) đồng.

- Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần G số tiền 18.409.000 (mười tám triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004150 ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty H hữu hạn Hoàng Khang N1 số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000425 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 18 – TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 15 – TP.HCM;
- TAND Khu vực 18 – TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ hành chính tư pháp, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm

